

Bản án số: 86/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2019

Về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Ông Nguyễn Văn Đoạt

- Thư ký ghi biên bản: Bà Nguyễn Thị Thành Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 274/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Mã Thị H**, sinh năm 1980 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Hỏa Đ C**, sinh năm 1976 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện H, K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn và tại phiên Tòa hôm nay chị Mã Thị H trình bày:

Chị và anh C quen biết, tự tìm hiểu và yêu thương nhau, dẫn đến chung sống với nhau từ năm 2000, hai bên không đi đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, anh chị sinh được 04 người con chung gồm:

1/ Hỏa Thị Đ, sinh năm 2000

2/ Hỏa Đ T, sinh ngày 19/8/2001.

3/ Hỏa Thị Đ P, sinh ngày 25/10/2012

4/ Hỏa Thị Đ L, sinh ngày 25/10/2012

Từ khoảng năm 2017 đến nay, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa trong gia đình. Nguyên nhân C do anh C có quan hệ bất C với nhiều phụ nữ khác, không tôn trọng vợ con, thiếu trách nhiệm trong gia đình, thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu rồi về nhà chửi bới vợ con, thậm chí anh C còn đánh đập vợ. Chị H đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh C để hai bên không còn ràng buộc gì với nhau nữa.

Về con chung: Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung: Anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh Hỏa Đ C trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị H như trên về quan hệ hôn nhân, quan hệ con cái và quan hệ T sản.

Trong thời gian chung sống anh C cho rằng anh chị không có mâu thuẫn gì lớn đến mức phải ly hôn. Tuy nhiên nếu chị H yêu cầu được ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu chị H muốn tiếp tục nuôi các con thì anh C cũng đồng ý nhưng anh không cấp dưỡng nuôi con. Nếu các con ở với anh thì anh có trách nhiệm nuôi dưỡng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung: Vợ chồng anh chị tạo lập được một căn nhà, đất hiện gia đình đang ở tại ấp Hưng Giang, xã Mỹ Hiệp Sơn và một nền nhà 100m² đất (cấp bên căn nhà đang ở), đất chưa có Giấy chứng nhận QSD đất. Nay anh chị sẽ tự thỏa thuận về T sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn, cũng như các T liệu có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân

huyện H theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Xét về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Mã Thị H và anh Hỏa Đ C được xác lập vào năm 2000 nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống với nhau, hai bên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân C theo chị H trình bày là do khoảng hai năm nay anh C có quan hệ bất C với những người phụ nữ khác, từ đó hạnh phúc gia đình không còn được như xưa nữa, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa trong gia đình.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C không có đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không có giá trị pháp lý. Chị H và anh C có đủ nhận thức và đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nhưng anh chị vẫn không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, từ đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh C.

3. Về con chung: Anh chị có 04 người con chung tên Hỏa Thị Đ, sinh năm 2000; Hỏa Đ T, sinh ngày 19/8/2001; Hỏa Thị Đ P, sinh ngày 25/10/2012; Hỏa Thị Đ L, sinh ngày 25/10/2012. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 con chung chưa thành niên. Xét thấy, các cháu Hỏa Đ T, Hỏa Thị Đ P, Hỏa Thị Đ L có nguyện vọng muốn được ở với mẹ và tại phiên tòa hôm nay, anh C cũng đồng ý giao các con cho chị H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H được tiếp tục nuôi dưỡng các con Hỏa Đ T, Hỏa Thị Đ P, Hỏa Thị Đ L.

4. Về T sản chung: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị H và anh C trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 227, Điều 228 Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mã Thị H và anh Hỏa Đ C.

2. Về con chung: Giao cho chị Mã Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung chưa thành niên là Hỏa Đ T, sinh ngày 19/8/2001; Hỏa Thị Đ P, sinh ngày 25/10/2012; Hỏa Thị Đ L, sinh ngày 25/10/2012.

Anh Hỏa Đ C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về T sản chung: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh K theo biên lai thu số 0005550 ngày 01 tháng 7 năm 2019. Chị H không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc